

Xử lý nợ xấu của ngành Ngân hàng Việt Nam- Thực trạng và giải pháp

Nguyễn Mạnh Hùng
Nguyễn Thu Hiền

Ngày nhận: 08/12/2017

Ngày nhận bản sửa: 15/12/2017

Ngày duyệt đăng: 25/12/2017

Xử lý nợ xấu là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) ban hành kèm theo Quyết định 254/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Để xử lý nhanh và có hiệu quả nợ xấu, ngày 18/5/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2013/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản các TCTD (VAMC). Với quyết tâm của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN); nỗ lực của VAMC và các TCTD, sau gần 4 năm, đến cuối năm 2016, nợ xấu các TCTD giảm xuống còn 131,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 2,46% tổng dư nợ so với mức 4,12% năm 2013, vượt mục tiêu Đề án 254/2012/QĐ-TTg đề ra¹. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng cuối năm 2016 tuy đã giảm, nhưng số tuyệt đối lại tăng so với cuối năm 2015 do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến nợ xấu phát sinh mới tăng và nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ chuyển thành nợ xấu do khách hàng không có điều kiện thanh toán khi hết thời gian cơ cấu lại. Giải quyết tận gốc nợ xấu vẫn là thách thức lớn đối với Chính phủ và ngành Ngân hàng Việt Nam thời gian tới. Chính vì vậy, ngày 21/6/2017, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 42/2017 (NQ 42) về thi điểm xử lý nợ xấu của các TCTD; ngày 19/7/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1058/QĐ-TTg (QĐ 1058) về Phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016- 2020”. Đây là những cơ sở pháp lý đặc biệt quan trọng cho việc đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu tại các TCTD và nợ xấu VAMC đã và sẽ mua trong thời gian tới. Vấn đề đặt ra là, việc tổ chức thực hiện NQ 42 và QĐ 1058, cũng như giải quyết những khó khăn mới phát sinh đang là những rào cản về xử lý nợ xấu từ nay đến năm 2020.

Từ khóa: Nợ xấu, xử lý nợ xấu, tổ chức tín dụng.

¹ Trước sự bùng phát nhanh về nợ xấu, mặc dù quyết tâm rất cao nhưng Đề án 254 chỉ đưa ra mục tiêu đến cuối năm 2015 nợ xấu của các NHTM Nhà nước đạt dưới 3%.

1. Kết quả xử lý nợ xấu giai đoạn 2012- 2016

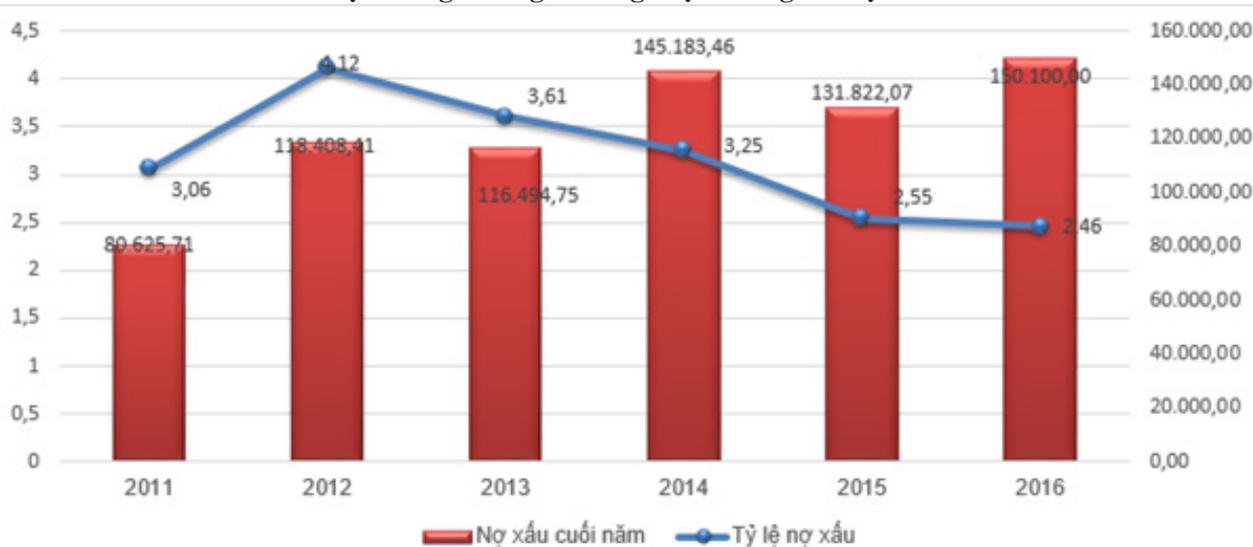
Xét về tỷ lệ, nợ xấu nội bảng tổng kết tài sản các TCTD tăng từ 3,06% năm 2011, đạt đỉnh 4,12% năm 2012, rồi giảm dần qua các năm, về 2,55% năm 2015, và xuống còn 2,46% cuối năm 2016. Nhưng về số tuyệt đối: nợ xấu từ 80.626 tỷ đồng năm 2011 tăng qua các năm và đạt 145.183 tỷ đồng vào cuối năm 2014; cuối năm 2015 nợ xấu giảm xuống còn 131.822 tỷ đồng, sau tăng lên và đạt đỉnh 150.100 tỷ đồng vào cuối năm 2016 (Hình 1). Nguyên nhân chủ yếu của nợ xấu nội bảng các TCTD tăng năm 2016 là nợ xấu bán cho VAMC đã giảm từ 98,7 ngàn tỷ đồng năm 2015, xuống còn 45,1 ngàn tỷ đồng năm 2016.

Tuy nhiên, số liệu trên chưa phản ánh đúng thực chất nợ xấu của ngành Ngân hàng. Trên thực tế, nợ xấu của ngành Ngân hàng Việt Nam những năm qua diễn ra với tính chất phức tạp và qui mô lớn hơn số liệu nêu trên. Theo báo cáo của các TCTD, ở thời điểm 31/5/2012, nợ xấu của hệ thống là 117.723 tỷ đồng, chiếm 4,47%. Nhưng theo số liệu của Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng thì vào tháng 3/2012, tỉ lệ nợ xấu trong toàn hệ thống TCTD là 8,6%, trong khi theo số liệu của Fitch Ratings, tỉ lệ nợ xấu của Việt Nam tại cùng thời điểm này

là 15,65%. Đến tháng 9/2012, tỉ lệ nợ xấu theo một báo cáo của Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội lên tới 17%, xấp xỉ tỉ lệ do Fitch Ratings đưa ra là 17,26%. Có sự chênh lệch lớn giữa nợ xấu do các TCTD báo cáo và con số do Fitch Ratings đưa ra là do Fitch Ratings đã thống kê dư nợ được cố định nhóm nợ theo Quyết định 780/QĐ-NHNN ngày 23/4/2012 của NHNN, mà thực chất các khoản nợ này là nợ xấu. Trả lời chất vấn đại biểu Quốc hội tại kỳ họp tháng 11/2017, Thống đốc NHNN xác định tỉ lệ nợ xấu và nợ tiềm ẩn phát sinh nợ xấu của các TCTD đến cuối năm 2016 là 10,08%.

Mức độ xử lý nợ xấu thể hiện ở khối lượng nợ xấu mà ngân hàng đã xử lý qua các năm. Từ năm 2012 đến 2016, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 611,59 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Trong đó, nợ xấu được xử lý năm 2012: 74,68 nghìn tỷ đồng; năm 2013: 87,98 nghìn tỷ đồng; năm 2014: 143,55 nghìn tỷ đồng; năm 2015: 186,89 nghìn tỷ đồng và năm 2016 là 118,49 nghìn tỷ đồng. Xử lý nợ xấu năm 2016 giảm so với 2015 là do: (i) các khoản nợ bán cho VAMC giảm, việc xử lý nợ xấu đã mua của TCTD tại VAMC còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do thị trường mua bán nợ chưa phát triển tại Việt Nam và do những rào cản về pháp lý khi xử lý tài sản bảo đảm; (ii) bán, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ ở mức thấp, hầu hết các tài sản bảo đảm của khách hàng là bất

Hình 1. Nợ xấu ngành Ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011-2016



Nguồn: NHNN

Hình 2. Kết quả xử lý nợ xấu ngành Ngân hàng giai đoạn 2012-2016



Nguồn: NHNN

động sản, trong khi đó các dự án bất động sản trước đây càng khó bán; (iii) khả năng trả nợ của khách hàng vẫn còn hạn chế do sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn và chậm phục hồi (Hình 2).

2. Những tồn tại trong xử lý nợ xấu và nguyên nhân

2.1. Tồn tại

Trong tổng số nợ xấu đã xử lý giai đoạn 2012-2016 thì nợ bán cho VAMC chiếm tỷ trọng lớn nhất (41,37%), tiếp đến là TCTD tự trích lập dự phòng rủi ro (25,4%) và khách hàng trả nợ (19,72%); các hình thức khác chiếm tỷ trọng nhỏ: Phát mại tài sản (2,73%), bán nợ khác (2,83%), hình thức xử lý khác (7,69%).

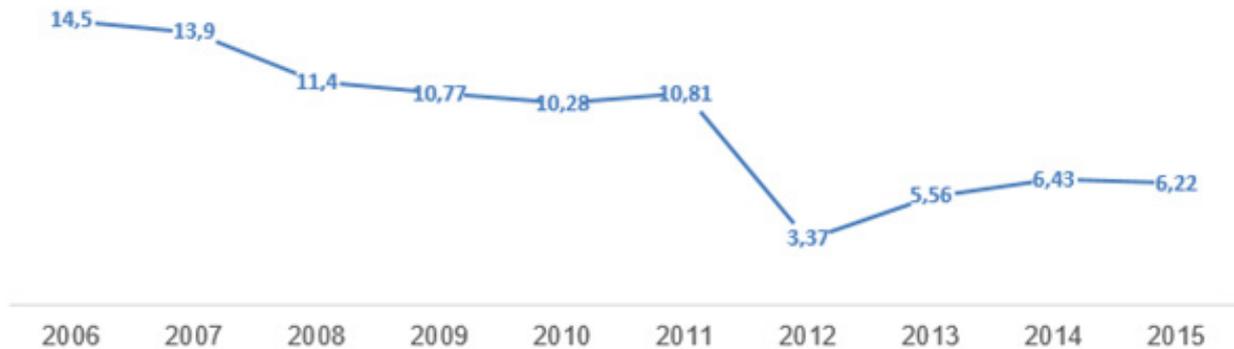
Bảng 1. Kết quả xử lý nợ xấu ngành Ngân hàng theo các hình thức giai đoạn 2012-2016

Đơn vị: Tỷ đồng

Hình thức xử lý nợ xấu	Tổng giai đoạn		2012	2013	2014	2015	2016
	Khối lượng	Tỷ trọng (%)					
Khách hàng trả nợ	120.593	19,72	25.322	15.944	21.610	29.002	28.175
Bán phát mại TSBD	16.972	2,73	4.077	2.533	3.374	3.902	3.086
TCTD sử dụng quỹ DPRR	154.392	25,4	35.176	30.387	30.556	35.400	22.871
Bán nợ cho VAMC	253.015	41,37	0	29.578	79.612	98.719	45.106
Bán nợ khác	17.340	2,83	3.743	6.572	3.836	1.678	1.511
Hình thức khác	46.818	7,69	6.358	2.962	4.562	18.157	17.741
Tổng cộng	611.590	100	74.667	87.976	143.550	186.858	118.490

Nguồn: NHNN

Hình 3. ROE ngành Ngân hàng giai đoạn 2006-2015



Nguồn: NHNN

Trong ba hình thức xử lý nợ xấu chiếm tỷ trọng cao nhất, ngoài hình thức khách hàng trả nợ đạt tỷ lệ thấp nhất, hai hình thức còn lại (bán nợ cho VAMC và TCTD tự trích lập dự phòng rủi ro) đang nảy sinh những vấn đề tồn tại có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế nói chung, ngành Ngân hàng nói riêng, cụ thể như sau:

Một là, đối với hình thức TCTD xử lý từ nguồn trích lập dự phòng rủi ro

Qua 5 năm (2012-2016), các TCTD đã xử lý được 154.392 tỷ đồng nợ xấu từ nguồn trích lập dự phòng. Đây là mức trích lập rất lớn, tương đương với 33,1% vốn điều lệ bình quân cùng giai đoạn của toàn Ngành. Nhiều ngân hàng đã “ăn vào” vốn tự có do không tạo ra đủ lợi nhuận để trích lập. Xử lý nợ xấu từ nguồn trích lập dự phòng rủi ro của các TCTD giảm từ 35,4 ngàn tỷ đồng năm 2015, xuống còn 22,9 ngàn tỷ đồng năm 2016 nói lên sự khó khăn tài chính của ngành Ngân hàng. Cùng với gánh nặng trích lập dự phòng để xử lý rủi ro các khoản nợ xấu đang nắm giữ, các ngân hàng cũng đang phải chịu áp lực rất lớn trong việc quy định trích lập 20%/năm đối với phần nợ xấu bán cho VAMC nhưng chưa xử lý được tài sản đảm bảo để thu nợ. Việc trích lập dự phòng quá lớn để xử lý rủi ro sẽ dẫn đến nhiều tác động tiêu cực cho cả ngân hàng, doanh nghiệp và nền kinh tế, như:

Thứ nhất, người gửi tiền, vay tiền ngân hàng và nền kinh tế chịu tác động tiêu cực khi ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu. Để trích lập dự phòng rủi ro đúng qui định,

ngân hàng chỉ tiết giảm chi phí để tăng thu nhập là chưa đủ, mà phải điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo hướng giảm lãi suất huy động, tăng lãi suất cho vay để gia tăng thu nhập. Như vậy, thiệt thòi cuối cùng vẫn sẽ là người gửi tiền và người vay tiền tại ngân hàng. Điều này cũng đồng nghĩa với doanh nghiệp vay tiền khó tiếp nhận vốn để mở rộng sản xuất, kéo theo thu ngân sách bị hạn chế và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nói riêng, của nền kinh tế nói chung bị suy giảm.

Thứ hai, làm suy giảm năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của ngành Ngân hàng. Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cao làm cho khả năng sinh lời của ngân hàng suy giảm nghiêm trọng. Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu của ngành Ngân hàng (ROE) bình quân giai đoạn 2011-2015 chỉ còn 6,6%/năm so với mức 12,1%/năm giai đoạn 2006-2010 (Hình 3). Năng lực tài chính yếu khiến hạn chế khả năng mở rộng kinh doanh và tăng năng lực cạnh tranh của Ngành. Khả năng đóng góp cho ngân sách của ngành Ngân hàng theo đó cũng suy giảm đáng kể.

Hai là, đối với hình thức bán nợ xấu cho VAMC

Trong tổng số 253.015 tỷ đồng nợ xấu VAMC mua từ các TCTD, đến 31/12/2016 chỉ mới thu hồi được 50.169 tỷ đồng, chiếm 19,8% tổng số nợ đã mua. Hình thức thu nợ của VAMC chủ yếu là phối hợp với các TCTD bán tài sản bảo đảm tiền vay, bán nợ, đôn đốc khách hàng trả nợ... Vì vậy, hiện tại VAMC được xem như là

chỗ “nhốt nợ xấu” của các TCTD. Thực chất khối lượng nợ xấu này vẫn là nợ xấu của các TCTD. Hàng năm các TCTD vẫn phải trích 20% dự phòng rủi ro và sau 5 năm sẽ trả về cho TCTD nếu trong thời gian này không bán được nợ. Tính cả khoản nợ xấu bán cho VAMC chưa xử lý thu hồi được và nợ chưa chuyển nhóm thành nợ xấu nhưng bản chất là nợ xấu, thì nợ xấu của ngành Ngân hàng đến cuối năm 2016 vẫn đang ở mức trên 8%. Như vậy, mặc dù đã hết sức cố gắng, nhưng mức độ xử lý nợ xấu chưa được như kỳ vọng, tỷ lệ nợ xấu thực chất vẫn còn cao.

2.2. Nguyên nhân

Một là, nợ xấu của Ngành phát sinh trên diện rộng với qui mô lớn là vấn đề của nền kinh tế vĩ mô, vì vậy, muốn giải quyết triệt để nợ xấu, cần phải giải quyết những vấn đề về kinh tế vĩ mô. Một môi trường kinh tế vĩ mô phát triển ổn định giúp doanh nghiệp có thể tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo nguồn trả nợ ngân hàng. Kinh tế vĩ mô của nước ta đang từng bước đi vào ổn định từ cuối năm 2014 đến nay và còn hàm chứa nhiều yếu tố nội tại cũng như tác động bất lợi từ bên ngoài ảnh hưởng đến phát triển bền vững cũng như xử lý nợ xấu của ngân hàng.

Hai là, chưa có nhiều các nguồn lực tài chính thật sự và hữu hiệu ngoài nguồn lực của các chủ nợ (TCTD, VAMC) và con nợ (doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân vay vốn) để hỗ trợ xử lý nợ xấu. Trách nhiệm xử lý nợ xấu, nhất là trách nhiệm về tài chính vẫn đang thuộc về các chủ nợ và con nợ, trong khi họ đang sức cùng lực kiệt, cần sự trợ giúp từ bên ngoài. Những năm qua, Chính phủ và các Bộ/ngành có liên quan đã có hàng loạt cơ chế chính sách để hỗ trợ cho ngân hàng và doanh nghiệp xử lý nợ xấu. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng nhất là “tiền tươi, thóc thật” để xử lý nợ xấu thì gần đây mới được ghi nhận. Quan điểm về xử lý nợ xấu không sử dụng tiền ngân sách sẽ kéo dài thời gian xử lý và tạo ra một số tiêu cực cho ngân hàng, doanh nghiệp và nền kinh tế như đã nêu ở trên. Theo Nghị định 53/2013/NĐ-CP, VAMC có vốn điều lệ 500 tỷ đồng là quá nhỏ để thực hiện nhiệm vụ đầu tư cơ sở vật chất và mua nợ các TCTD

theo giá thị trường. Đến 31/3/2015, vốn điều lệ của VAMC được nâng lên 2.000 tỷ đồng theo Nghị định 34/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Đây là quyết định cần thiết để tăng khả năng xử lý nợ xấu cho VAMC. Tuy nhiên, so với gần 246.000 tỷ đồng nợ mà VAMC đã mua về đến cuối năm 2016 thì “chưa thấm vào đâu”. Theo quan điểm của tác giả, mức vốn trên vẫn còn thấp so với yêu cầu xử lý nợ xấu. Cần phải có nguồn lực tài chính lớn hơn (cả trong và ngoài ngân sách) mới có thể giải quyết cơ bản nợ xấu. *Ba là*, Việt Nam chưa có thị trường mua bán nợ xấu hoạt động theo đúng nguyên tắc thị trường. Mua bán nợ xấu là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, hiện tại chỉ các TCTD, công ty quản lý nợ (VAMC, DATC) mới được phép thực hiện và chưa hoạt động theo đúng nguyên tắc thuận mua vừa bán của thị trường. VAMC mua nợ từ các TCTD, nhưng chưa có thị trường để Công ty này bán nợ cho các tổ chức khác. Các khoản nợ mà VAMC mua từ các TCTD chủ yếu được mua theo giá sổ sách (dư nợ gốc), việc mua bán theo giá thị trường¹ đã được VAMC triển khai trong năm 2016 nhưng chưa có kết quả. Mặt khác, chưa có nhiều chủ thể tham gia thị trường mua nợ. Trong khi có hàng trăm, thậm chí là hàng ngàn chủ thể có nhu cầu bán nợ (các TCTD và chi nhánh), thì có quá ít bên mua nợ (VAMC, DATC và có thể là AMC của các TCTD). Như vậy, cung thì nhiều, cầu thì hạn chế, nên xử lý nợ xấu chậm. Nghị quyết 42/2017/NQ-QH là đường lối, chủ trương đặc biệt thuận lợi để Chính phủ và các Bộ/ngành hiện thực hóa bằng các văn bản pháp luật tạo điều kiện cho thị trường mua bán nợ phát triển. Mặt khác, phần lớn các khoản nợ xấu của các TCTD được bảo đảm bởi các bất động sản (BDS), nhưng ở nước ta chưa có thị trường BDS đúng nghĩa, đất đai vẫn thuộc sở hữu Nhà nước, chưa nói đến việc hoàn thành các thủ tục pháp lý đối với BDS là vô cùng phức tạp và khó khăn.

Bốn là, VAMC là đơn vị chủ lực mua nợ xấu của các TCTD, nhưng với mô hình hiện tại, không cho phép VAMC đẩy nhanh tiến độ xử

¹ Ngày 12/4/2016 Thống đốc NHNN đã ký ban hành Quyết định 618/QĐ-NHNN về việc xây dựng và triển khai Phương án mua nợ xấu theo giá trị thị trường của VAMC.

lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ xấu đã mua. VAMC mua nợ xấu của các TCTD có bảo đảm bằng tài sản ở trên tất cả các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương của cả nước. Nhưng hiện tại, VAMC chỉ có một trụ sở duy nhất ở Hà Nội, điều này nói lên VAMC không đủ nguồn lực (mạng lưới, con người) để đồng thời thực hiện bán tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ trên phạm vi cả nước. Thời gian qua nợ xấu VAMC thu hồi thông qua hình thức bán tài sản bảo đảm tiền vay chủ yếu là do TCTD bán nợ thực hiện (VAMC ủy quyền). Từ năm 2017, VAMC mua nợ theo giá thị trường, vì vậy, việc mở rộng mạng lưới và phát triển mạng lưới đại lý xử lý tài sản bảo đảm tiền vay phù hợp với các quy định của pháp luật đang là yêu cầu mới để công ty này có thể đẩy nhanh tiến độ xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thu nợ.

Năm là, thời gian qua, việc thu giữ, bán, phát mại tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ xấu còn gặp nhiều khó khăn. Thực tế khi VAMC tiến hành phát mại các tài sản thế chấp, có quá nhiều vướng mắc pháp lý và thực tế không dễ vượt qua được. Chẳng hạn, khi chuyển giao tài sản cho người mua phải mất một khoản chi phí lớn hoặc thủ tục giải chấp cực kỳ phức tạp, nhất là khi chủ sở hữu tài sản (bên thế chấp- con nợ, bảo lãnh bằng tài sản) bất hợp tác. Tâm lý của người mua cũng không yên tâm khi mua tài sản phát mại. Họ sợ khi mua tài sản này rồi không thể nào sử dụng được ngay theo ý muốn vì có sự chống đối hoặc ngăn cản từ người chủ cũ, hoặc do thủ tục xác nhận quyền sở hữu đầy đủ kéo dài rất lâu. Đó là những rào cản lớn làm kéo dài thời gian xử lý nợ xấu. Từ quý 3/2017, triển khai thực hiện Nghị quyết 42/2017/NQ-QH, kỳ vọng sẽ giải quyết được nhiều nút thắt trong hoạt động xử lý tài sản đảm bảo tiền vay thu hồi nợ. Tuy nhiên, do Nghị quyết mới triển khai thực hiện trong thời gian ngắn, cần có thời gian dài hơn để kiểm chứng, tổng kết và đúc rút kinh nghiệm.

Sáu là, khả năng trả nợ của khách hàng vẫn còn hạn chế do sản xuất kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn và chậm phục hồi. Nhiều doanh nghiệp vẫn đang lúng túng, chưa tìm ra hướng đi mới sau suy thoái kinh tế. Một số khách hàng chây ì, ý thức trả nợ kém, không hợp tác với ngân hàng trong việc xử lý tài sản đảm bảo để

trả nợ.

3. Giải pháp về xử lý nợ xấu ngành Ngân hàng thời gian tới

Các giải pháp về xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 nêu tại Quyết định 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ là khá toàn diện. Ngành Ngân hàng và các Bộ/ngành có liên quan cần tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, trách nhiệm được giao tại Quyết định này. Với những hạn chế và nguyên nhân dẫn đến nợ xấu mà chúng tôi phân tích trên đây, cùng với quan sát kinh nghiệm xử lý nợ xấu mà các nước trên thế giới đã trải qua, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp cụ thể sau:

3.1. Tạo môi trường pháp lý thống nhất để hoạt động mua, bán và xử lý nợ xấu bảo đảm thông suốt

Theo quy định của pháp luật hiện hành, các chủ thể tham gia vào hoạt động mua, bán nợ khác nhau có quy định riêng về hoạt động mua, bán nợ. Hoạt động mua, bán nợ có sự tham gia của Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đang được điều chỉnh trực tiếp bởi Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/4/2015 của Bộ Tài chính. Hoạt động mua, bán nợ có sự tham gia của TCTD đang được điều chỉnh trực tiếp bởi Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của NHNN. Hoạt động mua, bán nợ có sự tham gia của VAMC đang được điều chỉnh trực tiếp bởi các Nghị định: Số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013, Số 34/2015/NĐ-CP ngày 31/3/2015 và Số 18/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 và các thông tư sửa đổi, bổ sung², Quyết định số 618/QĐ-NHNN ngày 12/4/2016 của NHNN, và gần đây là Nghị quyết 42/1017/NQ-QH14 của Quốc hội.

Khi có sự tham gia của các tổ chức trong và ngoài nước, nếu lại có thêm các quy định riêng về hoạt động mua bán nợ cho các tổ chức này, sẽ rất khó cho việc triển khai thực hiện, cũng như khó có sự thống nhất, công bằng và thuận

² Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28/8/2015, Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16/6/2016 Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ngày 14/8/2017

tiện cho công tác kiểm tra, giám sát hoạt động mua bán nợ. Trên thực tế, trong quá trình mua bán nợ, một con nợ sẽ liên quan đến nhiều chủ nợ và ngược lại. Ví dụ, khi DATC tham gia mua nợ, tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước A, thì có thể sẽ liên quan đến nhiều TCTD, VAMC và các tổ chức tài chính khác là chủ nợ của doanh nghiệp A. Lúc đó, nếu các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan không có sự thống nhất với nhau, thì rất khó cho quá trình xử lý. Vì vậy theo chúng tôi, cần nghiên cứu để gom các qui định riêng lẻ này thành một văn bản qui phạm pháp luật chung về hoạt động mua bán nợ. Gần đây, Chính phủ đã có định hướng đề nghị xây dựng Luật tái cơ cấu các TCTD và xử lý nợ xấu. Đây là một định hướng đúng, nhiều nước trên thế giới cũng đã có các bộ luật riêng về tái cơ cấu kinh tế và xử lý nợ xấu. Với luật mới này, bên cạnh qui định thuận lợi cho xử lý nợ xấu, cần tạo hành lang pháp lý cho xử lý nợ, hành lang pháp lý để bảo đảm an toàn cho việc tiếp tục cho vay mới đối với khách hàng có nợ xấu để hỗ trợ xử lý nợ xấu. Đây cũng là yêu cầu cấp thiết, để người ra quyết định tín dụng có đủ tự tin rằng, cấp tín dụng mới cho khách hàng có nợ xấu là rủi ro, nhưng họ được pháp luật bảo vệ.

3.2. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức kinh tế- tài chính có năng lực và kinh nghiệm nhanh chóng tham gia thị trường mua bán nợ xấu

Đề án xử lý nợ xấu các TCTD ban hành kèm theo Quyết định 843/QĐ-TTg ngày 31/5/2013 xác định nguyên tắc “Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để xử lý nợ xấu các TCTD...”. Cho đến nay, nguyên tắc này chưa được thực hiện tốt. Với các chủ thể tham gia mua bán nợ xấu như hiện nay (gồm các TCTD, DATC, VAMC và các AMC của các TCTD) thì quá trình xử lý nợ xấu sẽ không nhanh như kỳ vọng. Cần tạo điều kiện pháp lý thuận lợi để các tổ chức trong và ngoài nước có đủ điều kiện hoạt động mua bán nợ, nhất là các tổ chức tài chính nước ngoài tham gia vào quá trình xử lý nợ xấu của các TCTD Việt Nam. Trong điều kiện ngân sách hạn hẹp, việc tạo môi trường pháp lý thuận lợi, rõ ràng, minh bạch để thu hút các nguồn lực tài

chính cũng như năng lực, kinh nghiệm xử lý nợ xấu của các tổ chức tài chính nước ngoài trong thời gian tới là hết sức cần thiết. Nếu các tổ chức và cá nhân nước ngoài tham gia mua bán nợ xấu, giá trị thực của các khoản nợ sẽ được đánh giá xác thực, tính minh bạch cao, điều cần thiết cho việc xác định chính xác mặt bằng giá nợ xấu của các TCTD. Nhưng quan trọng hơn, việc có được “tiền thật” từ nước ngoài để đẩy nhanh xử lý nợ xấu các TCTD Việt Nam là giải pháp hữu hiệu lúc này. Sở dĩ họ không tham gia mua bán nợ xấu được là do chưa có chính sách hoàn thiện, tính pháp lý về quyền chủ nợ, quyền xử lý tài sản chưa cao, còn nhiều tranh chấp. Thực tế xử lý nợ của các TCTD cho thấy, trong trường hợp khách hàng không đồng thuận, một TCTD phải mất không dưới 2 năm để xử lý khoản nợ xấu có bảo đảm tiền vay là BĐS để thu hồi nợ. Nếu tình trạng này không được cải thiện, thì việc thu hút nguồn lực tài chính từ nước ngoài để xử lý nợ xấu của các TCTD tại Việt Nam là điều khó thực hiện.

Bên cạnh khuyến khích các tổ chức tài chính, nhất là tổ chức tài chính nước ngoài tham gia hoạt động mua bán nợ xấu các TCTD Việt Nam, việc có chính sách rõ ràng, minh bạch để các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế tham gia hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp cũng là giải pháp hữu hiệu cần chú trọng triển khai. Chủ doanh nghiệp mới sau mua bán, sáp nhập sẽ thực hiện trả nợ cho ngân hàng hoặc cùng ngân hàng thống nhất để tái cơ cấu lại khoản nợ xấu tại ngân hàng. Lúc đó, khoản nợ xấu sẽ trở thành nợ tốt hơn do năng lực quản lý và tài chính của con nợ cũ đã được thay thế bởi con nợ mới tốt hơn. Tuy nhiên, cần có tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp trong nước đủ điều kiện tham gia xử lý nợ xấu tại các TCTD Việt Nam, đồng thời phải hạn chế để đi đến triệt tiêu cơ chế xin, cho dự án BĐS trên cơ sở phát triển thị trường BĐS công khai, minh bạch.

Từ quý 3/2017, Nghị quyết 42/2017/NQ-QH14 cho phép tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được bán nợ xấu cho pháp nhân, cá nhân, bao gồm cả doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh mua, bán nợ, nên bước đầu đã tạo môi trường pháp lý thuận lợi để hoạt động mua, bán và xử lý nợ xấu phát triển.

3.3. Ngân sách Nhà nước là nguồn tài chính cần thiết để xử lý nhanh và hiệu quả nợ xấu của các tổ chức tín dụng

Nợ xấu của các TCTD phát sinh trên diện rộng với qui mô lớn là vấn đề của nền kinh tế vĩ mô, vì vậy, Ngân sách Nhà nước tham gia vào xử lý nợ xấu là việc cần thiết. Hầu hết quá trình xử lý nợ xấu của các nước trên thế giới, Ngân sách Nhà nước là nguồn tài chính quan trọng để xử lý nợ xấu của nền kinh tế. Trong cuộc khủng hoảng tài chính châu Á giai đoạn 1997-2000, để xử lý nợ xấu các TCTD, các nước sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp mạnh. Trong đó, việc thành lập Công ty mua bán nợ xấu quốc gia (AMC) là giải pháp trung tâm mà các quốc gia lựa chọn. Với mỗi quốc gia, do những đặc điểm kinh tế- xã hội và lịch sử khác nhau nên AMC sẽ có cách thức hoạt động riêng, nhưng điểm chung mà các nước đều làm là Ngân sách Nhà nước tham gia với tư cách là nguồn lực quan trọng để thực hiện xử lý nợ xấu thông qua cơ chế hoạt động của các AMC. Tại Nhật Bản giai đoạn 1995-2000, Bộ Tài chính bơm gần 10.000 tỷ Yên để xử lý nợ xấu các TCTD, Ngân hàng Trung ương Nhật (BOJ) bơm thanh khoản mà không cần phải thế chấp tài sản. Ở Mỹ, để giải quyết nợ xấu và hỗ trợ thanh khoản các TCTD cho cuộc khủng hoảng 2008-2009, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã bơm 700 tỷ USD cho các TCTD nước này. Ngân hàng Trung ương Anh chi 500 tỷ bảng để đảm bảo thanh khoản và xử lý nợ xấu ngành Ngân hàng nước này giai đoạn 2008-2009... Còn ở nước ta thời gian qua, Ngân sách Nhà nước rất eo hẹp nên chưa tham gia vào xử lý nợ xấu của các TCTD. Theo chúng tôi, Ngân sách Nhà nước cần tham gia để xử lý có hiệu quả nợ xấu của nền kinh tế. Nếu các TCTD cứ tiếp tục trích lập dự phòng để xử lý rủi ro với khối lượng lớn như những năm vừa qua thì sẽ dẫn đến sức cùng lực kiệt và rất có thể dẫn tới đổ vỡ. Do đó, đã đến lúc ngân sách có hỗ trợ giúp các ngân hàng vượt qua khó khăn để tiếp tục đảm trách tốt vai trò huyết mạch của nền kinh tế.

3.4. Tăng cường năng lực xử lý nợ xấu đã mua của VAMC

VAMC vẫn là đơn vị chủ lực để xử lý nợ xấu của các TCTD Việt Nam thời gian tới. Theo đó, VAMC cần chuyển mạnh phương pháp xử lý nợ từ “nhốt nợ” sang “tiêu thụ nợ”. Muốn vậy, trước hết VAMC phải thực hiện rà soát, phân loại, đánh giá lại các khách hàng vay, tài sản bảo đảm và các khoản nợ đã mua để xác định khả năng thu hồi nợ và có giải pháp xử lý phù hợp. Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các giải pháp mua, bán, xử lý nợ xấu theo cơ chế thị trường theo quy định của pháp luật và phương án được NHNN duyệt. Đồng thời, VAMC tích cực phối hợp chặt chẽ với TCTD trong việc thu hồi nợ, cơ cấu lại nợ, bán và xử lý nợ, tài sản bảo đảm đối với các khoản nợ xấu đã mua; hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay phục hồi sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các dự án dở dang. Tiếp xúc, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước tham gia mua, xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm theo tinh thần của Nghị quyết 42/2017/NQ-QH14 và phù hợp với qui định của pháp luật.

Mặt khác, để xử lý nhanh nợ xấu, VAMC cần khẩn trương mở các chi nhánh của VAMC ở khu vực miền Trung và miền Nam. Các chi nhánh này nên hình thành tại các trung tâm lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Đồng thời, cần mở một số văn phòng đại diện tại các khu vực trọng điểm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Các chi nhánh, văn phòng đại diện phải bảo đảm tinh gọn, năng động, hiệu quả. Muốn vậy, phải đặc biệt chú trọng khâu tuyển chọn và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chính phủ, NHNN sớm tăng vốn điều lệ của VAMC lên 10.000 tỷ đồng theo Quyết định 1058/QĐ-TTg để bổ sung nguồn vốn mua nợ xấu theo giá trị thị trường. Đồng thời, bổ sung cơ sở vật chất, nguồn nhân lực quản lý để VAMC đảm bảo năng lực, uy tín thị trường trong xử lý nợ xấu.

3.5. Các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh xử lý nợ xấu gắn với hạn chế tối đa phát sinh rủi ro tín dụng mới

TCTD, nhất là TCTD có nợ xấu cao, thực hiện phân tích, đánh giá nợ xấu, phân loại khách hàng có nợ xấu để lựa chọn phương án xử lý

tối ưu. Thực tế cho thấy, chỉ TCTD mới biết và lựa chọn phương án xử lý nợ xấu phù hợp đối với từng khách hàng. Với những khách hàng có triển vọng, cần tạo điều kiện để họ vay mới với

lãi suất hợp lý để tiếp tục sản xuất kinh doanh, tạo nguồn trả nợ. Đồng thời, xem xét miễn, giảm lãi nợ cũ để cùng nhau vượt khó, hướng
xem tiếp trang 32

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tổng kết hoạt động VAMC năm từ 2011 đến 2016
2. Các Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP, 53/2013/NĐ-CP, 34/2015/NĐ-CP và 18/2016/NĐ-CP của Chính phủ.
3. Các Quyết định số: 59/2006/QĐ- NHNN, 618/QĐ-NHNN ngày 12/4/2016 của NHNN.
4. Các Thông tư số: 19/2013/TT-NHNN, 14/2015/TT-NHNN, 09/2015/TT-NHNN, 08/2016/TT-NHNN, 09/2017/TT-NHNN của NHNN.
5. Các báo CafeF, Vnexpress, Vneconomy. IMF, financial soundness indicators. <http://bloomberg.com>.
6. Luật Dân sự 2005.
7. Luật các TCTD, NHNN năm 2010.
8. Nghị quyết số 42/2017/NQ-QH14 về thi điểm xử lý nợ xấu của các TCTD;
9. Nguyễn Mạnh Hùng (2016), Hoàn thiện mô hình và cơ chế xử lý nợ xấu cho VAMC;
10. Quyết định số: 254/2012/QĐ- TTg, 1058/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
11. Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê và website Tổng cục Thống kê.
12. Thông tin tác giả tổng hợp từ các bản tin tài chính APT.
13. Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/4/2015 của Bộ Tài chính.
14. <http://sbv.com.vn>, <http://sbvamc.com.vn>.

Thông tin tác giả

Nguyễn Mạnh Hùng, Tiến sĩ
Công ty Quản lý tài sản các TCTD Việt Nam- VAMC
Email: manhhungvba@gmail.com

Nguyễn Thu Hiền, Tiến sĩ
Học viện Ngân hàng

Summary

Resolve bad debts in Vietnam's Banking Sector- Situation and Solutions

Resolution of bad debts is one of most important task in the government's Scheme on Restructuring Credit Institutions which was issued under the Decision No 254/2012 / QD-TTg dated 01/3/2012 of the Prime Minister. To facilitate the process quickly and effectively, on 18 May 2013, the Government has established Vietnam Asset Management Company (VAMC) by Decree No. 53/2013 / ND-CP. With high determination from the Government, the State Bank of Vietnam (SBV) and much efforts from VAMC as well as credit institutions, after nearly 4 years of implementation, bad debts of credit institutions has significantly decreased to VND 131.6 trillion by the end of 2016, accounting for 2.46% of total outstanding loans as compared to 4.12% of 2013, exceeding the goal set by Scheme 254/2012/QD-TTg. However, Despite the bad debt ratio of 2016 has declined, its absolute value has been increasing higher as compared to that of 2015. This is because enterprises still cope with so many difficulties in doing business. They have new bad debts created along with the old bad debts occurred when they cannot pay the due current restructuring debts. So the resolution of bad debts is still a challenge to the Government and SBV in the coming time. Therefore, Resolution No. 42/2017 (NQ 42) on piloting resolution of bad debt of credit institutions dated 21 June, 2017 has been promulgated by the National Assembly and the Decision No. 1058 / QD-TTg (Decision 1058) on approving the scheme on "Restructuring the system of CIs and bad debt resolution in period of 2016-2020 dated 19/7/2017 was issued by the Prime Minister. The two documents serve as a legal foundation to speed up the resolution of bad debts in credit institutions and bad debts which has been bought or are going to be bought by VAMC. However, how to implement the Resolution 42 and Decision 1056 and how to deal with the newly occurring bad debts from now on to 2020 are still the obstacles for VAMC and credits institutions.

Key words: bad debt, resolution of bad debts, credit institutions.

Hung Manh Nguyen, PhD
VAMC

Hien Thu Nguyen, PhD
Banking Academy

Thông tin tác giả

Phan Thanh Đức, Tiến sĩ

Khoa Hệ thống Thông tin quản lý, Học viện Ngân hàng

Email: ducpt@hvn.edu.vn

Trần Thị Huế, Thạc sĩ

Chu Văn Huy, Thạc sĩ

An Phương Diệp, Thạc sĩ

Khoa Hệ thống Thông tin quản lý, Học viện Ngân hàng

Summary

Using DEMATEL method to constructing a strategy map for banking institutions

Abstract: Strategy management is one of the most important tasks of commercial banks. While many studies focus on the stages of strategy development and implementation, methods for strategy adjustment have not been mentioned much. This article presents the DEMATEL method used to evaluate and analyze the relationship between key performance indicators (KPI) in strategy management based on the Balanced Scorecard (BSC) method. According to this approach, the Strategy Management Information System (SMIS) will visualize the strategy map, which is the basis for bank leaders to evaluate and adjust the strategy.

Key words: Balanced Scorecard, key performance indicators, BSC, KPI, DEMATEL, strategy map.

Duc Thanh Phan, PhD.

Hue Thi Tran, Ma.

Huy Van Chu, Ma.

Diep Phuong An, Ma.

Management Information Systems faculty, Banking Academy

tiếp theo trang 9

nhanh đến mục tiêu giảm nợ xấu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với những khách hàng không còn khả năng phát triển, cần sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp như bán nợ cho VAMC, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay, xử lý nợ từ quỹ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. TCTD cũng cần chú trọng đến việc tiết giảm chi phí hoạt động, tăng trích lập dự phòng rủi ro, tăng trưởng tín dụng, hạ lãi suất cho vay, gắn tăng trưởng tín dụng với nâng cao chất lượng thẩm định và phòng ngừa rủi ro tín dụng... xem đây là những giải pháp căn cơ, lâu dài để giảm tỷ lệ nợ xấu. Đây mạnh xử lý nợ xấu theo cơ chế thị trường. Mặt khác, TCTD thực hiện tiết giảm các chi phí hoạt động, tập trung nguồn lực cho việc xử lý nợ xấu. Đồng thời, kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng phù hợp với quy mô, cơ cấu nguồn vốn và năng lực quản trị rủi ro của TCTD.

Từng TCTD xây dựng phương án, mục tiêu, lộ trình và giải pháp xử lý nợ đối với từng khách hàng thuộc nhóm “khách hàng nhạy cảm”.

Nhóm khách hàng nhạy cảm ở đây bao gồm khách hàng là sân sau của các ông chủ, lãnh đạo các TCTD, các chủ sở hữu chéo ngân hàng,

các tập đoàn, tổng công ty. Với nhóm khách hàng này, nếu để “ung nhọt” nợ xấu phát tán, nguy cơ dẫn đến đổ bể các NHTM chủ nợ là rất lớn. Vì thế, cần phải xây dựng các kịch bản xử lý nợ cho từng khách hàng riêng biệt. Đây là vấn đề hết sức lớn và phức tạp, phải đặc biệt lưu tâm lựa chọn phương án tối ưu, không chủ quan nóng vội, nhưng phải cương quyết, đúng lộ trình. ■